

DẪN NHẬP

Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao (淨土文類聚鈔) là tác phẩm của Thân Loan Thánh nhân (1173-1262) trước tác vào sơ kỳ thời đại Kiêm Thương. Đó là một luận thư ghi lại những yếu nghĩa của Tịnh độ Chân tông. Cuốn sách này còn được gọi là Lược Văn Loại (略文類), trái ngược với Quảng Văn Loại (廣文類) là “Giáo Hành Tín Chứng” (教行信証, Kyōgyōshinshō, vì nó giải thích giản lược, phác thảo cho nội dung của “Giáo Hành Tín Chứng”, và nó là cuốn sách phải đọc cho những ai đang nghiên cứu về mối quan hệ giữa Tín tâm và Niệm Phật. Mặc dù bản thảo gốc của Thân Loan không còn tồn tại nhưng vẫn có một số bảo sao chép của văn bản này.

Về thời gian trước tác vẫn chưa được xác định là nó được viết trước hay sau “Giáo Hành Tín Chứng”. Có người cho rằng nó được viết vào khoảng thời gian của tác phẩm chính “Giáo Hành Tín Chứng”.

Nội dung cuốn sách này trích dẫn Tam Kinh Tịnh Độ và dẫn dụng luận thư của Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Thiện Đạo, để mô tả những lời dạy của Tịnh độ giáo, pháp môn “Tịnh độ vãng sanh”, ngang qua Vãng tướng hồi hướng và Hoàn tướng hồi hướng, quan điểm mà Thân Loan rất coi trọng. Nó cũng thảo luận về tầm quan trọng của "Giáo – Hành – Chứng", và nói rằng Đại Kinh, Quán Kinh và Tiểu Kinh đều thừa nhận chánh nhân của sự vãng sanh Tịnh độ An Lạc là tín tâm vào Bản nguyện lực hồi hướng.

Đặc biệt, Thân Loan đưa ra khái niệm “Đại hành” và “Tịnh tín” đi đôi với nhau trong sự giải thích về Đại hành. Dẫn dụng Thành tựu nguyện văn của nguyện thứ 17 và nguyện thứ 18 trong Đại Kinh, Thân Loan nhấn mạnh Hành và Tín đều nhiếp thuộc Nhất niệm, và chúng không thể tách rời nhau. Cốt lõi của cái gọi là "luận bàn về hành tín" có thể được nhìn thấy ở sách này.

Ngược lại với nội dung của Tịnh Độ Văn Loại, "Giáo Hành Tín Chứng" được gọi là "Quảng Văn Loại", vì nó giải thích chi tiết bằng cách trích dẫn nhiều kinh sách khác ngoài Tam Kinh Tịnh Độ, chẳng hạn như dẫn dụng thêm những chú sớ của Đạo Xước, Nguyên Tín, Nguyên Không. Ngoài ra, Tịnh Độ Văn Loại cũng không có nội dung của quyển 5 "Chân Phật Độ" và quyển 6 "Hóa Thân Độ" của Giáo Hành Tín Chứng.

"Giáo Hành Tín Chứng" là Thánh điển căn bản cho thấy những lời dạy của Thân Loan Thánh nhân, và cuốn Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao này có ý nghĩa lớn như một tác phẩm giúp chúng ta hiểu được cấu trúc và ý thú của "Giáo Hành Tín Chứng".

San Francisco, 4/1/2024

Đệ tử Quảng Minh kính ghi

TỊNH ĐỘ VĂN LOẠI TỰ SAO

淨土文類聚鈔

No. 2647

Ngu Ngốc Thích Thân Loan biên tập.

[TỰA]

[1] Diệt khổ chứng lạc nhờ quang minh vô ngại khó lường¹, tiêu chướng trừ nghi bằng gia hiệu vạn hạnh tròn đầy². Giáo hành³ cho thời đại mật pháp nên riêng tu tập pháp này; mục túc⁴ cho ác thế ngũ trược phải nỗ lực ở pháp đây. Vậy thì, hãy tiếp nhận và thực hành theo hoàng thệ tối thắng⁵ để “xả uế hãn tịnh”⁶, hãy kính vâng và nhớ giữ theo giáo sắc Như Lai để “báo ân tạ đức”.

¹ Giáo Hành Tín Chứng, Lời Tựa: “Quang minh không gì chướng ngại, là mặt trời trí tuệ phá tan bóng tối vô minh.” (Vô ngại quang minh phá vô minh ám huệ nhật. 無礙光明破無明闇惠日.)

² Gia hiệu (嘉號): Gia, là thiện, là mỹ. Danh hiệu mà tận thiện, tận mỹ, gọi là gia hiệu. Gia hiệu ở đây là “Nam mô A Di Đà Phật”. Danh hiệu A Di Đà Phật là danh hiệu của vạn hạnh ở nhân vị và vạn đức ở quả vị của Bồ-tát Pháp Tạng, bao gồm lục độ vạn hạnh, vô lượng vô biên thiện căn công đức.

³ Giáo hành (教行): Giáo pháp và thực hành; theo giáo pháp mà tu hành. A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ của Nguyên Chiếu nói: “Giáo pháp danh tiếng của bậc Đại giác Thế Tôn trong một đời, Đại thừa Tiểu thừa tuy có khác nhau nhưng không ngoài giáo lý hành quả. Nhờ giáo mà hiển lý, nương lý mà khởi hành, do hành mà được quả.” Vãng Sanh Yếu Tập của Nguyên Tín, Lời Tựa nói: “Giáo hành của vãng sanh Cực Lạc, mục túc của trược thế mật đại.” Thập Bát Nhị Môn của Kinh Khê Trạng Nhiên nói: “Quán tâm chính là then chốt của giáo hành.” Ở đây, giáo hành là giáo lý và thực hành Tịnh độ chân thật được trình bày ở Tịnh Độ Văn Loại Tự Sao.

⁴ Mục túc (目足): Hai điều kiện chánh yếu của người tu hành Phật đạo cần phải hội đủ. Mục, dụ cho trí tuệ. Túc, dụ cho hành nghiệp. Mục túc (mắt và chân) đầy đủ mới có thể đến được chỗ thanh lương (quả Phật). Trong sáu ba-la-mật, 5 ba-la-mật trước (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định) là hành nghiệp; ba-la-mật thứ 6 là trí tuệ. Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 2, (Đại 33, 698 trung) ghi: “Trí là gốc của hành, nhân nơi ‘trí mục’ mà khởi ‘hành túc’.” Ở đây được hiểu là những trọng yếu và thiết yếu cho chúng sanh thời mật pháp.

⁵ Bản nguyện của Di Đà.

⁶ Xả uế hãn tịnh (捨穢忻淨) = Yểm uế hân tịnh (厭穢欣淨): chán bỏ uế độ, ưa thích tịnh độ.

Kẻ ngu ngốc tôi ở Phiến Châu⁷, quy hướng học thuyết của luận sư ở Ấn Độ và Tây Phiên⁸, ngưỡng vọng giải thích của đạo sư nơi Hoa Hán và Nhật Vực⁹, cung kính và thâm tín “giáo – hành – chứng” của Chân tông, đặc biệt biết rằng ân đức của Phật không thể cùng tận, nên tôi tìm cách làm sáng tỏ điều đó qua Tịnh Độ Văn Loại Tụ¹⁰.

[GIÁO]

[2] Nói về “Giáo”, đó là Kinh Đại Vô Lượng Thọ. Đại ý của Kinh ấy, đó là Đức Phật A Di Đà siêu phát thệ nguyện, mở rộng kho tàng giáo pháp, thương tưởng những người phàm tiểu¹¹, lựa chọn và ban cho châu báu công đức; đó là Đức Thích Ca Như Lai xuất hiện ở đời, giảng dạy giáo lý tuệ giác¹², cứu vớt những kẻ quần manh¹³, thương yêu và trao tặng lợi ích chân thật. Chắc chắn Kinh này là giáo lý chân thật mà vì đó Như Lai xuất hiện ở đời, là kinh điển tuyệt diệu, tối thắng và kỳ đặc. Đây là lý thuyết tối thượng của “Nhất thừa cứu cánh”. Đó là lời dạy chân chánh được [chư Phật

⁷ Phiến Châu (片州): biếm xưng Nhật Bản.

⁸ Ấn Độ và các nước Trung Á.

⁹ Trung Quốc và Nhật Bản.

¹⁰ Tịnh Độ Văn Loại Tụ (淨土文類聚): Tuyển tập các đoạn văn về con đường Tịnh độ.

¹¹ Đối với chư Phật và Bồ tát, chúng ta chỉ là những chúng sanh bình thường và nhỏ bé về mọi phương diện.

¹² Kinh Duy Ma Cật, phẩm Phật HƯƠNG TÍCH: “Ở đó có Đức Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni hiện đang ở giữa cõi đời xấu xa đầy năm điều uế trước mà phô diễn đạo giáo cho chúng sanh ưa thích pháp nhỏ.”

¹³ Quần manh (群萌): Phạm: Bahu-jana. Cũng gọi Quần sanh. Dị danh của chúng sanh. Manh là cái mầm của cây cỏ mới nhú ra, hãy còn lờ mờ chưa rõ, hoặc cái tướng của hạt giống chưa nứt. Đạo tâm của chúng sanh mới phát, nhưng còn bị vô minh che khuất, giống như cái mầm của cỏ cây, thế nên dùng từ quần manh để ví dụ cho chúng sanh. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 266 hạ), nói: “Đức Như lai đem tâm đại bi vô lượng, thương xót khắp 3 cõi, Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót chúng sanh trong ba cõi, nên mới thị hiện ra đời, khai sáng đạo giáo, khiến tất cả quần manh thật sự được lợi ích chánh pháp.” Phẩm Hóa Thành Dụ, kinh Pháp hoa (Đại 9, 24 hạ) nói: “Thiên nhân tôn trí khắp, Thương xót loài quần manh, Hay mở cửa cam lộ, Rộng độ hết tất cả.”

] “Thập phương xưng tán”. Bản nguyện Như Lai¹⁴ là yếu chỉ của kinh này, tức là dùng danh hiệu của Phật làm bản thể của kinh¹⁵.

[HÀNH]

[3] Nói về “Hành”, đó là đại hành của sự lợi tha viên mãn, tức là xuất sanh từ “Chư Phật tư ta nguyện”¹⁶, còn gọi là “Chư Phật xưng danh nguyện”, cũng gọi là “Vãng tướng chánh nghiệp nguyện”. Nhưng bản nguyện lực hồi hướng có hai thứ tướng: 1. Vãng tướng; 2. Hoàn tướng. Xét Vãng tướng thì có ‘đại hành’, cũng có ‘tịnh tín’. Đại hành, là xưng danh hiệu “Vô Ngại Quang Như Lai”. Hành ấy nhiếp hết tất cả hành. Vì cực kỳ mau chóng viên mãn nên gọi Đại hành. Thế nên, sự xưng danh có thể phá hủy tất cả vô minh của chúng sanh, có thể sung mãn tất cả chí nguyện của chúng sanh. Xưng danh tức là ước niệm. Ước niệm tức là niệm Phật. Niệm Phật thì là “Nam mô A Di Đà Phật”.

[4] “Nguyện thành tựu văn”¹⁷ của Đại kinh ghi:

¹⁴ Chỉ cho 48 thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà.

¹⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sanh Kệ Chú, quyển thượng: “Thích Ca Mâu Ni Phật tại thành Vương Xá và nước Xá Vệ, ở giữa đại chúng, đã nói về công đức trang nghiêm của Vô Lượng Thọ Phật, tức là dùng danh hiệu của Phật làm bản thể của kinh.”

¹⁶ Chư Phật tư ta nguyện (諸佛咨嗟願): Nguyện chư Phật tán thán. Còn gọi là Chư Phật xưng thán nguyện (諸佛稱歎願), Chư Phật đồng tán danh tự nguyện (諸佛同讚名字願), Chư Phật xưng danh nguyện (諸佛稱名願), Chư Phật xưng dương nguyện (諸佛稱揚願), Vãng tướng chánh nghiệp nguyện (往相正業願). Là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, tức là thệ nguyện chư Phật đề cao, khen ngợi danh hiệu của Phật A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, có chép lời thệ nguyện ấy như sau (Đại 12, 268 thượng): “Nếu tôi được thành Phật mà chư Phật trong mười phương vô lượng thế giới đều không tán thán danh hiệu của tôi, thì tôi sẽ không giữ lấy ngôi chánh giác.”

¹⁷ Nguyện thành tựu văn (願成就文): Gọi tắt là Thành tựu văn. Kinh văn nói về việc Đức Phật A Di Đà phát nguyện thành tựu Phật quả khi còn ở địa vị tu nhân. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, ghi lời nguyện thứ 11 của Ngài như sau (Đại 12, 268 thượng): “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trụ chánh định tụ, nhất định đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Cũng kinh trên, quyển hạ, thuật lại tướng thành tựu như sau (Đại 12, 272 trung): “Nếu có những chúng sanh được sanh về nước kia thì tất cả đều trụ nơi chánh định. Tại sao vậy? Vì trong nước Phật kia không có tà tụ và bất định tụ.”

“Hằng sa chư Phật Như Lai mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của Đức Vô Lượng Thọ Phật. Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, nhẫn đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển.”¹⁸

Lại nói:

“Phật bảo Di Lặc: Có ai được nghe danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ mà hoan hỷ phán chán, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được lợi lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.”¹⁹

Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa của Bồ tát Long Thọ có ghi:

*“Nếu người muốn mau được
Địa vị Bất thối chuyển
Nên đem tâm cung kính
Chấp trì xưng danh hiệu.”²⁰
“Người nào trồng thiện căn
Nghĩ thì hoa không nở
Ai tín tâm thanh tịnh
Hoa nở liền thấy Phật.”²¹*

Luận Tịnh Độ của Bồ tát Thiên Thân nói:

*“Thế Tôn con nhất tâm
Quy mạng hết mười phương*

¹⁸ Đây là nguyện thành tựu văn cho nguyện thứ 17 và 18.

¹⁹ Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, No. 360, Pháp sư Khương Tăng Khải dịch, quyển hạ, tr. 279a01.

²⁰ Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, quyển 5, phẩm Di Hành, tr. 41b13.

²¹ Ibid., tr. 43b18.

*Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sanh An Lạc quốc.*

*Con y Tu đa la
Tướng công đức chân thật
Thuyết nguyện kệ tông tri
Tương ưng lời Phật dạy.²²*

*Quán Phật Bản nguyện lực
Ai gặp không luống qua
Khiến được mau đầy đủ
Biển đại bảo công đức.²³*

[5] Qua lời dạy của Đức Phật và kệ tụng của hai bộ luận, chúng ta đặc biệt biết rằng, đại hành không phải là sự hành hồi hướng của một phàm phu [cho sự vãng sanh Tịnh độ], mà là sự hành hồi hướng [đến mọi chúng sanh] bởi tâm đại bi [của Đức Phật A Di Đà], và do đó được gọi là “Bất hồi hướng”²⁴. Quả thực đó là bản nguyện “tuyển trạch nhiếp thủ”²⁵, là

²² Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá (無量壽經憂波提舍), tr. 230c17.

²³ Ibid., tr. 231a24.

²⁴ Bất hồi hướng (不回向): Tiếng dùng của Phật giáo Nhật bản. Môn Tịnh độ lập ra hai thứ hồi hướng: (1) Vãng tướng hồi hướng (nguyện đem công đức đã tu hồi hướng đạo Bồ đề để được sanh về Tịnh độ); (2) Hoàn tướng hồi hướng (nguyện sau khi thành Phật trở lại đường sanh tử, giáo hóa hết thảy chúng sanh). Nhưng, Tịnh độ Chân tông thì chủ trương, chỉ cần một niềm tin chí thành, tha thiết là hai thứ hồi hướng trên đều do Đức Phật A Di Đà hồi hướng cho người tu hành, chứ người tu hành thì không cần phải hồi hướng, nên gọi là Bất hồi hướng. Bất hồi hướng là pháp tha lực, hiển bày chỗ cùng tốt của tha lực. Thế nên, niệm Phật tha lực (tuyệt đối tin tưởng vào sự cứu vớt của Phật A Di Đà) gọi là hạnh Bất hồi hướng.

²⁵ Tuyển trạch nhiếp thủ (選擇攝取): Kinh Đại A Di Đà (No. 362, Chi Khiêm dịch) và Kinh Bình Đẳng Giác (No. 361, Chi-lâu-ca-sấm dịch) nói đến “tuyển trạch”, còn Đại Kinh nói đến “nhiếp thủ”. Quang minh của Đức Phật A Di Đà đặc biệt nhiếp thủ bất xả người niệm Phật. Thiện nghiệp thì gọi là bạch nghiệp, vì thiện là pháp thanh bạch. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi: “Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng đều riêng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi mỗi hình hảo còn có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi mỗi quang minh chiếu khắp thập phương thế giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ sót. Thân Phật Vô Lượng

hoàng thệ “vô thượng siêu thế”²⁶, là chánh pháp “nhất thừa chân diệu”²⁷, là thắng hạnh “vạn thiện viên tu”²⁸.

[6] Nói về từ “nãi chí” (乃至) trong Đại Kinh, gồm cả “thượng”, “hạ”, lược bỏ “phần giữa”.²⁹ Nói “nhất niệm”, tức là chuyên niệm. Chuyên niệm tức là nhất thanh³⁰. Nhất thanh tức là xưng danh. Xưng danh tức là ước niệm. Ước niệm tức là chánh niệm. Chánh niệm tức là chánh nghiệp.

Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi mỗi tướng đều riêng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi mỗi hình hảo còn có tám vạn bốn ngàn quang minh, mỗi mỗi quang minh chiếu khắp thập phương thế giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ sót.”

²⁶ Kinh Vô Lượng Thọ: “Bấy giờ tỳ kheo Pháp Tạng nghe Đức Phật nói về các quốc độ nghiêm tịnh, nhìn thấy hết thấy, bèn siêu phát thệ nguyện vô thượng thù thắng, tâm ngài tịch tịnh, trí ngài rỗng rang, tất cả thế gian không có ai bằng. Trọn đủ năm kiếp, Ngài suy xét nhiếp thủ công hạnh trang nghiêm Phật quốc thanh tịnh.” “Tôi lập nguyện siêu thế, Tất đến đạo Vô thượng, Nguyện này chẳng đầy đủ, Thề chẳng thành Chánh giác”

²⁷ Chánh pháp chỉ cho bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Thân Loan Thánh nhân trước đây luôn hoài nghi về bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nhưng bây giờ nghi ngờ của ông đã được tiêu trừ. Chính như bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đã nói, Thân Loan Thánh nhân đã đạt được hạnh phúc tuyệt đối, nên lớn tiếng hô: “Lời hứa của Di Đà là thật!” Hơn nữa, Thân Loan Thánh nhân kêu gọi “Đừng ngần ngại lắng nghe và suy nghĩ về điều đó”, và hy vọng rằng mọi người sẽ được đưa lên con thuyền Đại bi nguyện của Đức Phật A Di Đà càng sớm càng tốt. Và bước lên con thuyền Đại bi nguyện chỉ có một con đường là lắng nghe. Tất cả giáo lý của Đức Phật, dù là Nhất thừa hay Tam thừa, đều bao gồm trong “Giáo lý Nhất thừa của Bản nguyện A Di Đà”, nên gọi là chân diệu.

²⁸ A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ (阿彌陀經義疏), No. 1761, do ngài Nguyên Chiếu thuật, tr. 356b13: “Nhất thừa cực xướng, rất ráo đều hướng về Lạc bang. Vạn hạnh viên tu, tối thắng riêng tìm nơi Phật hiệu. Bởi vì, từ nhân vị lập thệ nguyện, giữ chí nguyện chính mình hành, trải qua kiếp số chấm bụi, mang tình thương cứu giúp chúng sanh. Chỗ đất bằng hạt cải đâu không là nơi Bồ-tát xả bỏ thân mạng. Bi trí sáu độ, nhiếp hoá mà không sót; nội ngoại hai tài, tùy cầu sẽ được ứng. Thời cơ hưng khởi, nhân duyên chín muồi, các hạnh đầy đủ, công đức thành tựu. Một thời viên chứng với ba thân, muôn đức biểu lộ nơi bốn chữ.”

²⁹ Thượng, là “thượng tận nhất hình” (上盡一形), nghĩa là đa niệm, chính là suốt đời niệm Phật. Hạ, là “hạ chí”, chỉ cho “nhất niệm”. Đa niệm thì niệm Phật suốt đời; thiếu niệm thì thập niệm, cho đến nhất niệm (nãi chí nhất niệm), Dù đa niệm hay nhất niệm thì cũng phải thâm tín và nương theo bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà thì sẽ được vãng sanh về Báo độ. Giáo Hành Tín Chứng, Hành Văn Loại: “Kinh nói “nãi chí” (乃至: thậm chí, hẳn đến, dù chỉ). Thích kinh ghi “hạ chí” (下至: tối thiểu). Nãi chí và hạ chí đều có khác, nhưng ý nghĩa như nhau. Lại nữa, “nãi chí” mang ý nghĩa bao hàm một và nhiều.” Phần giữa, là giữa cực đại và cực tiểu, giữa đa niệm và nhất niệm.

³⁰ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, quyển hạ, Sa-môn Trí Thắng nói: “Thâm tâm tức là tín tâm chân thật. Tin biết tự thân là phàm phu có đủ phiền não, thiện căn ít ỏi, bị lưu chuyển trong ba cõi, không ra khỏi nhà lửa. Nay tin biết bản hoàng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu mười tiếng một tiếng, thì nhất định được vãng sanh, và dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.”

Lại nữa, “nãi chí nhất niệm”, nó không hề ám chỉ “nhất niệm” của quán tưởng ‘công đức’³¹ hay số biến [xưng danh]. Xét đến “hoạch đắc vãng sanh” là đề cập đến khoảng thời gian kéo dài hay ngắn ngủi của tâm trí và thực hành (tức là tín tâm và xưng danh)³², đó là “nãi chí nhất niệm”. Nên biết như vậy³³.

[TÍN]

[7] Nói về “Tịnh tín”, đó là tín tâm về sự lợi tha một cách sâu xa và rộng lớn [của Đức Phật A Di Đà], tức là xuất sanh từ “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, cũng gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, còn gọi là “Vãng tướng tín tâm nguyện”³⁴. Tuy nhiên, đối với hạng phàm phu hèn mọn, những quần sanh dưới đáy³⁵ thì tịnh tín không thể đạt được cực quả, không thể chứng đắc. Vì sao? Vì không có Vãng tướng hồi hướng³⁶ và vì bị vướng mắc vào lưới nghi ngờ. Chính nhờ uy lực gia hộ của Như Lai, và nhờ nhân tố sâu

³¹ Quán tưởng về ‘trang nghiêm công đức thành tựu’ của y chánh hai báo của quốc độ Cực Lạc. Luận Tịnh Độ nói đến 29 thứ trang nghiêm công đức thành tựu.

³² Giáo Hành Tín Chứng, Hành Văn Loại: “Nhất niệm ở đây biểu hiện khoảnh khắc cực điểm khi sự tín lạc được khai mở, phát sanh, và biểu lộ cái tâm hoan hỷ rộng lớn, khó nghĩ bàn.” Tịnh độ Chân tông Nhật bản cho rằng, ‘Nhất niệm là tín tâm, Đa niệm là xưng danh’, tức nhân vãng sanh quyết định ở một niệm tín tâm, còn nhiều niệm xưng danh sau đó thì là biểu hiện sự báo ân đức Phật.

³³ Chân thật hành là đại hành của tha lực hồi hướng. Tín và hành nhiếp nhau, không tách rời nhau.

³⁴ Nguyện thứ mười tám: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sanh nguyện”, “Vãng tướng tín tâm nguyện”.

³⁵ Bạc địa (薄地): nghĩa là địa vị thấp kém hèn mọn. Chỉ địa vị phàm phu hèn kém. Trong Tịnh tâm giới quán pháp, quyền hạ, của ngài Đạo Tuyên (Đại 45, 826 hạ), nói: “Phàm phu bạc địa, thân thúi quê mùa, quả báo hèn hạ.” Thông thường dẫn dụng những từ ngữ như Bạc địa phàm phu, Bạc địa để hạ phàm phu (phàm phu hèn mọn dưới đáy). Bạc có ý “bức” (逼), vì phàm phu ở trong địa vị luôn bị các khổ đau và phiền não bức bách, cho nên gọi là Bạc địa (薄地). Lại bạc có ý là “bác” (博), bởi vì địa vị phàm phu quá nhiều, quá rộng, cho nên gọi là Bác địa (博地). Ngoài ra, tông Tịnh độ đem chia địa vị phàm phu làm ba loại là Nội phàm vị, Ngoại phàm vị và Bạc địa, tức Tam hiền vị gọi là Nội phàm, Thập tín vị gọi là Ngoại phàm, trở xuống gọi là Bạc địa.

³⁶ Tịnh Độ Luận Chú: “Vãng tướng, là đem công đức của mình hồi thí cho tất cả chúng sanh, phát nguyện cùng nhau vãng sanh tịnh độ An Lạc của A Di Đà Như Lai.”

rộng là năng lực của đại bi và quảng tuệ [của Như Lai], mà có được tín tâm thanh tịnh và chân thật. Tâm ấy không điên đảo, tâm ấy không hư dối. Chúng ta tin nhận và biết rằng, diệu quả vô thượng không khó thành, tịnh tín chân thật thực sự khó được. Có được tịnh tín chân thật là có được Đại khánh hỷ tâm³⁷.

“Có được Đại khánh hỷ tâm”, Đại Kinh nói:

*“Người nào có chí tâm mà nguyện sanh về quốc độ An Lạc thì được trí tuệ sáng suốt, công đức thù thắng.”*³⁸

Kinh lại nói:

“Người ấy là bậc đại uy đức.”

Còn nói:

“Bậc thắng giải quảng đại.”

[8] Quả thực là phép thần “trừ nghi hoạch đức”, là chân thuyên³⁹ “cực tốc viên dung”, là diệu thuật “trường sanh bất tử”, là tịnh tín “uy đức quảng đại”.⁴⁰

³⁷ Đại khánh hỷ tâm (大慶喜心): Tâm vui mừng lớn lao của người tu Tịnh độ được Đức Phật A Di Đà từ bi nhiếp thọ mà nầy sinh. Tức là hành giả tin một cách sâu sắc rằng Đức Phật A Di Đà thu nhận tất cả chúng sanh, phàm người phát nguyện vãng sanh, cho dù sự nghiệp chưa thành, cũng mong được Phật tiếp dẫn. Niềm tin chân thực ấy tương tục không dứt, khiến sanh tâm vui mừng rất lớn, cho nên gọi là Đại khánh hỷ tâm.

³⁸ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 275b06.

³⁹ Chân thuyên (真詮): thuyên nghĩa là làm sáng tỏ, giải thích tường tận. Làm sáng tỏ từng câu văn cú của chân lý được gọi là chân thuyên.

⁴⁰ Giáo Hành Tín Chứng, Tín Văn Loại: “Đại tín tâm, là phép thần trường sanh bất tử, là thuật diệu hân tịnh yếm ược, là chân tâm tuyền trạch hồi hướng, là tín lạc lợi tha sâu rộng, là chân tâm Kim cương bất hoại, là tịnh tín để sanh về mà có mấy ai, là nhất tâm tâm quang nhiếp hộ, là đại tín hy hữu tối thắng, là đường tắt thế gian khó tin, là thật nhân chứng Đại Niết-bàn, là bạch đạo mau chóng viên dung, là tín hải chân như nhất thật.”

[9] Như vậy, dù là hành hay tín, không có một sự nào chẳng phải là sự hồi hướng thành tựu của nguyện tâm thanh tịnh⁴¹ bởi A Di Đà Như Lai, và chẳng phải không có nguyên nhân, hay do nhân nào khác, mà có được. Nên biết như vậy.

[CHỨNG]

[10] Nói về “Chứng”, đó là diệu quả lợi tha viên mãn, nó xuất sanh từ “Tất chí diệt độ nguyện”, cũng gọi là “Chứng đại Niết bàn nguyện”, còn gọi là “Vãng tướng chứng quả nguyện”, tức là Niết bàn vô thượng, chí cực tất cánh vô sanh, thanh tịnh chân thật.⁴²

[11] “Nguyện thành tựu vãng” trong Đại Kinh nói:

*“Nếu có chúng sanh nào sanh về nước kia thì thấy đều trú Chánh định tụ. Vì sao? Vì trong nước Phật kia không có những tà tụ và bất định tụ.”*⁴³

Lại nói:

*“Chỉ vì thuận theo phương khác mà có tên là trời, người. Hình dáng đoan chánh, hiếm có siêu việt thế gian, diện mạo vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người; đều bẩm thọ tự nhiên cái thân hư vô, cái thể vô cực.”*⁴⁴

⁴¹ Nguyện tâm thanh tịnh là 48 thệ nguyện.

⁴² Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ-đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết-bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết-bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁴³ Đây là nguyện thành tựu vãng cho nguyện thứ 11.

⁴⁴ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, tr. 271c04.

Lại nói:

“Ắt siêu tuyệt sanh tử, vãng sanh nước An Lạc, cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên đóng, thẳng đạo không cùng tội, để đến mà không ai, nước ấy chẳng trái nghịch, sức kéo dắt tự nhiên.”⁴⁵

[12] Qua lời dạy của Phật mà biết rõ rằng, những phàm phu mà phiền não thành tựu⁴⁶, những quần manh mà sanh tử tội uế⁴⁷, người nào có được tâm hành Vãng tướng hồi hướng, thì liền trú Chánh định tụ của Đại thừa. Trú Chánh định tụ thì “ắt phải đến diệt độ”. Ất đến diệt độ tức là thường lạc. Thường lạc tức là Đại Niết bàn, tức là quả vị Lợi tha giáo hóa địa. Thân ấy tức là Pháp thân vô vi. Pháp thân vô vi tức là thân rốt ráo bình đẳng. Thân rốt ráo bình đẳng tức là tịch diệt. Tịch diệt tức là thật tướng. Thật tướng tức là pháp tánh. Pháp tánh tức là chân như. Chân như tức là nhất như.

[13] Như vậy, dù là nhân hay quả, không có một sự nào chẳng phải là sự hồi hướng thành tựu của nguyện tâm thanh tịnh bởi A Di Đà Như Lai. Nhân thanh tịnh nên quả cũng thanh tịnh. Nên biết như vậy.

⁴⁵ Ngài Thiện Đạo, Tổ sư của tông Tịnh độ Trung quốc, đã căn cứ vào ý nghĩa của câu: Hoàn tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế (横截五惡趣, 惡趣自然閉. Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên đóng) trong kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ (Đại 12, 274 trung) mà lập thuyết Hoàn siêu đoạn tứ lưu (横超斷四流. Vượt ngang dứt bốn dòng), tức có hàm nghĩa Nhất thừa đốn giáo trong đó. Ngài Thân Loan, Tổ khai sáng của Tịnh độ Chân tông Nhật bản, noi theo thuyết của ngài Thiện Đạo, cho rằng Hoàn siêu tức là ý nghĩa chọn Báo độ chân thực của bản nguyện thì liền được vãng sanh. Cũng tức là đối với bản nguyện của Phật Di Đà một lòng tin sâu, không hoài nghi, theo nguyện lực của Ngài mà tu hành, tâm không tán loạn, thì sau khi mạng chung sẽ trực tiếp được sanh về Báo độ chân thực. Vì Hoàn siêu là nhờ vào bản nguyện tha lực của Phật nên bản nguyện của Ngài cũng được gọi là Hoàn siêu đại thế nguyện (横超大誓願). Ngoài ra, do sự hồi hướng bản nguyện lực của Tín tâm kim cương có khả năng cắt ngang 5 đường ác, siêu chứng Đại niết bàn, cho nên cũng gọi là Hoàn siêu kim cương tâm (横超金剛心).

⁴⁶ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sanh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 836c19, ngài Đàm Loan giải thích về công đức thành tựu của sự thanh tịnh trang nghiêm của tịnh độ: “Có người phàm phu mà phiền não thành tựu cũng được sanh về tịnh độ kia. Những nghiệp trói buộc của Tam giới hoàn toàn không lôi kéo họ được, đó là không đoạn phiền não mà được phần Niết-bàn.”

⁴⁷ An Lạc Tập, quyển thượng, tr. 11c19: “Ví như Tịnh ma-ni châu đặt ở nước dơ, nhờ oai lực của châu mà nước đục thành trong. Người nào dẫu có vô lượng sanh tử tội uế, nếu được nghe danh hiệu bảo châu thanh tịnh chí cực vô sanh của A Di Đà Như Lai, rót vào tâm uế trước, trong mỗi niệm, tội diệt tâm tịnh, liền được vãng sanh.”

[HOÀN TƯỚNG HỒI HƯỚNG]

[14] Thứ hai, nói về “Hoàn tướng hồi hướng”, đó là sự lợi ích của Lợi tha giáo hóa địa, nó xuất sanh từ “Tất chí bổ xứ nguyện”⁴⁸, còn được gọi là “Nhất sanh bổ xứ nguyện”, cũng có thể gọi là “Hoàn tướng hồi hướng nguyện”.

[15] “Nguyện thành tựu văn” trong Đại Kinh nói:

*“Bồ tát ở nước kia đều sẽ rất ráo đến bậc Nhất sanh bổ xứ, trừ những vị có bốn nguyện vì chúng sanh mà lập hoàng thế công đức để tự trang nghiêm, muốn độ thoát khắp cả chúng sanh.”*⁴⁹

[16] Qua lời dạy của Phật mà biết rõ rằng, nhờ hoàng thế đại từ đại bi và lợi ích quảng đại nan tư mà [Bồ tát] có thể đi vào rừng rậm phiền não, khuyên dạy chư hữu, và noi theo đức hạnh Phổ Hiền để thương dẫn quần sanh.

[17] Do đó, dù là vãng tướng hay hoàn tướng, không có một sự nào chẳng phải là sự hồi hướng thành tựu của nguyện tâm thanh tịnh bởi A Di Đà Như Lai. Nên biết như vậy.

⁴⁸ Tất chí bổ xứ nguyện (必至補處願): Nguyện thứ 22. Đức Phật A Di Đà khi ở nhân địa là tỳ kheo Pháp Tạng, từng phát 48 nguyện. Tất chí bổ xứ nguyện là nguyện thứ 22 trong 48 nguyện. Cũng gọi là Linh chí bổ xứ nguyện (令至補處願), Nhiếp tha quốc Bồ tát nguyện (攝他國菩薩願), Bồ tát cứu cánh nhất sanh bổ xứ nguyện (菩薩究竟一生補處願), Nhất sanh bổ xứ nguyện (一生補處願), Hoàn tướng hồi hướng nguyện (還相迴向願). Bổ xứ, gọi tắt cho Nhất sanh bổ xứ, ý là Bồ tát trải qua đời này, đời vị lai quyết định có thể thành Phật ở thế gian. Thế nên, Bổ xứ chỉ cho địa vị tối cao của Bồ tát, tức Đẳng giác Bồ tát. Đức Phật A Di Đà tự thệ rằng, Bồ tát ở quốc độ phương khác muốn vãng sanh Tịnh độ, ắt phải đến địa vị Nhất sanh bổ xứ.

⁴⁹ Nguyện thành tựu văn cho nguyện thứ 22.

[KẾT LUẬN]

[18] Thế thì, duyên tịnh độ được thành từ sự sanh khởi nghịch hại của tỳ-kheo Điều Đạt⁵⁰ và thái tử A-xà-thế⁵¹, nhân tịnh nghiệp được thuyết từ sự tuyển chọn An Dưỡng của Đức Phật Thích Ca và hoàng hậu Vi-đề-hi⁵². Suy tư kia, tinh niệm đây, Đạt Đa và Xà Thế đã rộng trao cho sự nhân từ, Di Đà và Thích Ca đã bày tỏ sâu lòng mong đợi.

Theo đó, luận chủ Thiên Thân đã tuyên bố “tịnh tín quảng đại vô ngại”⁵³, rộng khắp khai hóa quần sanh tạp nhiễm ở thế giới Kham nhẫn.

⁵⁰ Đề-bà-đạt-đa (sa. Devadatta) hoặc còn được phiên là Đề-bà-đạt-đâu, Địa-bà-đạt-đâu, Địa-bà-đạt-đâu, Đế-bà-đạt-đâu, còn được gọi gọn là Điều Đạt, dịch nghĩa là "Thiên Thọ" (trời trao). Ông là em họ của Thích-ca Mâu-ni Phật, từng gia nhập vào tăng đoàn của Phật, nhưng rồi về sau ông nảy sinh nhiều ý kiến mâu thuẫn, cuối cùng li khai khỏi tăng đoàn của Phật Thích Ca để thành lập tăng đoàn khác.

Ở trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy, Đề-bà-đạt-đa là kẻ đã phạm vào trọng tội Năm tội lớn (ngũ nghịch), phá hoại tăng đoàn, phản bội Phật giáo, một nhân vật phản diện tuyệt đối. Do quả báo của ác nghiệp, Đề-bà-đạt-đa đã chết do đất rút và bị tái sanh vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ hình rất lâu dài. Nhưng trước khi chết, Đề-bà-đạt-đa đã nói lời sám hối với Phật Thích Ca, và Phật Thích Ca đã tiên tri rằng sau 100.000 đại kiếp trái đất nữa, Đề-bà-đạt-đa sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác.

Còn trong Diệu Pháp Liên Hoa kinh của Phật giáo Bắc Tông thì ghi rằng Đề-bà-đạt-đa cũng từng được các vị Phật quá khứ thụ ký cho, tương lai sẽ thành Phật. Theo kinh này thì thật ra Đề-bà-đạt-đa đến thị hiện vai nhân vật phản diện, để cho chúng sanh hiểu được toàn bộ quả báo đọa vào địa ngục do gây ra năm tội nghịch lớn. Tại Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân nói rằng mỗi vị Phật quá khứ đều có một nhân vật chống lại họ giống như Đề-bà-đạt-đa, mà Đề-bà-đạt-đa ở trong địa ngục A-tỳ như Tỳ-kheo nhập niêm vui Tam thiên.

⁵¹ A-xà-thế (阿闍世, sa. Ajātasattu, pi. Ajātasattu) là vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà 磨竭陀) – một vương quốc cổ ở phía bắc tiểu lục địa Ấn Độ. Ông đã trị vì Magadha trong 8 năm cuối cùng tại thế của Phật Thích Ca Mâu Ni và 22 năm kế tiếp (khoảng 491 - 461 trước Công nguyên). Ông là người giết hại vua cha Bimbisara (Tần-bà-sa-la) và cùng Đề-bà-đạt-đa (sa., pi. devadatta) định ám hại Đức Phật, nhưng không thành. Cuối cùng ông giác ngộ theo Phật và phụng sự Phật pháp. Dưới thời A-xa-thế, Magadha trở thành vương quốc cường thịnh nhất ở miền Bắc Ấn Độ.

⁵² Kinh Quán Vô Lượng Thọ chỉ rõ quá trình phát sanh giáo pháp của Tịnh độ tông, đã được Đức Phật Thích Ca trình bày. Tương truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi (韋提希, sa. Vaidehī, pi. Vedehī), mẹ của vua A-xà-thế, bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. Bimbisāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sanh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Phật dạy cho bà phép thiền định để được tái sanh nơi cõi đó. Phép thiền định này gồm 16 phép quán tưởng, và tùy theo nghiệp lực của chúng sanh, các phép quán này có thể giúp vãng sanh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ.

⁵³ ⁵³ Quảng đại vô ngại là Nhất tâm. Luận chủ Thế Thân nói: “Con nhất tâm quy mạng hết mười phương Vô Ngại Quang Như Lai.”

Tông sư Đàm Loan đã bày tỏ “hồi hướng vãng hoàn đại bi”⁵⁴, ân cần hoằng truyền thâm nghĩa của tha lợi và lợi tha⁵⁵. Thánh quyền hóa ích⁵⁶, riêng vì làm lợi cho tất cả phàm ngu. Quảng đại tâm hành⁵⁷, chỉ muốn dẫn dắt ngũ nghịch, thập ác, xiển đề.

Ngày nay, tôi khẩn cầu mọi người, dù là tu sĩ hay cư sĩ, khi ở trên con thuyền đại bi nguyện, hãy để tín tâm thanh tịnh làm ra cơn gió thuận lợi, và trong đêm tối của vô minh, hãy để viên ngọc công đức trở thành ngọn đuốc vĩ đại. Người có tâm trí tối tăm và thiếu hiểu biết, hãy tôn trọng khuyến khích đạo này. Ai có tội ác nặng nề và nhiều nghiệp chướng, hãy sùng kính sâu đậm tín này.⁵⁸

⁵³ Quảng đại vô ngại là Nhất tâm. Luận chủ Thế Thân nói: “Con nhất tâm quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai.”

⁵⁴ Luận Tịnh Độ: “Thế nào là Hồi hướng? Là không bỏ tất cả chúng sanh khổ não, tâm thường tác nguyện hồi hướng làm đầu, thành tựu tâm đại bi.”

⁵⁵ Tha lợi lợi tha (他利利他) Người lợi lợi người. Tức làm lợi cho người có hai ý nghĩa sâu xa là người lợi và lợi người khác nhau. Luận Tịnh Độ của ngài Thế Thân (Đại 26, 233 thượng) nói: “Bồ tát tu 5 môn hành (lễ bái, tán thán, tác nguyện, quán sát và hồi hướng) như vậy, tự lợi lợi tha, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Vãng Sanh Luận Chú, quyển hạ, của ngài Đàm Loan (Đại 40, 843 hạ) giải thích: “Tu hành 5 môn để thành tựu việc lợi mình lợi người, nhưng xét tìm đến gốc nguồn của việc này thì Đức Phật A Di Đà là tăng thượng duyên.” Bàn về tha lợi và lợi tha thì có hai phương diện. Nếu đứng về phương diện Phật mà bàn thì nên nói là lợi tha, còn đứng về phía chúng sanh mà bàn thì nên nói là tha lợi. Bởi vì 4 môn trước của 5 môn công đức nói trong Luận Tịnh Độ mục đích là nêu bày pháp môn tự lợi của chúng sanh, thuộc về công đức Nhập; còn môn thứ 5 thì nêu bày pháp môn lợi tha, tức sau khi đã vãng sanh Tịnh độ thì nên trở lại thế giới Ta bà để cứu độ những chúng sanh khổ não, đây là thành tựu hạnh lợi tha, thuộc về công đức Xuất. Ngài Đàm Loan căn cứ vào đây mà nói rằng sở dĩ chúng sanh thành tựu hạnh tự lợi, lợi tha đều là nhờ vào việc lấy bản nguyện của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên. Bởi thế biết sự lợi tha của chúng sanh và sự lợi tha rộng lớn của Phật A Di Đà có khác nhau. Do đó, để phân biệt mới gọi sự lợi tha của chúng sanh là Tha lợi, còn sự lợi tha của Đức Phật A Di Đà thì gọi là Lợi tha. Văn trong Luận Tịnh Độ nêu trên, không nói “Tự lợi tha lợi” mà nói “Tự lợi lợi tha”. Tha lợi lấy việc chúng sanh được lợi ích làm chánh, sức của người thực thi khó hiển bày; còn nói Lợi tha thì nói rõ việc làm lợi ích chúng sanh mà hiển bày sức của người thực thi, trong đó cũng bao hàm sức từ bi của Phật. Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản lấy đây làm một trong các luận đề tông thừa của mình.

⁵⁶ Thánh quyền hóa ích (聖權化益): Lợi ích quyền hóa của Đại Thánh. Đại Thánh là hai Thế Tôn Di Đà và Thích Ca. Quyền hóa là Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Lợi ích là Tịnh độ môn.

⁵⁷ Cao Tăng Hòa Tán: “Tịnh Độ Luận Thiên Thân Bồ tát, Nếu không Đàm Loan tạo chú giải, Tha lực, quảng đại uy đức ấy, Tâm hành, thế nào được tỏ ngộ?” Tín tâm (tâm) niệm Phật (hành) bằng tha lực hồi hướng bởi uy đức quảng đại vô ngại của Đức Phật A Di Đà. Quảng đại chỉ cho Phật A Di Đà, tâm hành chỉ cho hành giả niệm Phật.

⁵⁸ A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ, No. 1761, do ngài Nguyên Chiếu thuật, tr. 356b27: “Thái hư có thể có bờ mé, chí mọn sao không thể hết, tôn trọng khuyến khích cùng đi chung thuyền, sùng kính sâu đậm đạo này.”

Chao ôi! Cường duyên là hoằng thệ⁵⁹, ngàn đời không gặp; tịnh tín mà chân thật, muôn kiếp khó được. Gặp được tín tâm, viển khánh túc duyên⁶⁰. Vậy mà, luân hồi che lấp lưới nghi, lại còn trải qua nhiều kiếp. Quả thật, chân lý “nhiếp lấy không bỏ”, giáo sắc “vượt tắt để sanh”. Hãy lắng nghe và suy xét [bản nguyện], đừng ngần ngại và nghi ngờ.

Mừng thay, Ngu Ngốc tôi cúi mong, cây tâm trồng trên Phật địa hoằng thệ, dòng ý chảy vào Pháp hải nan tư.⁶¹ Than thở những gì nghe được, vui mừng những gì nhận được, thu thập những lời dạy chân thật của Phật, chép ra những lời giải của chư sư, chuyên niệm Vô thượng tôn, đền đáp ơn quảng đại.

[19] Nhân đây lật xem Tịnh Độ Luận Chú của Bồ tát Đàm Loan:

*“Bồ Tát quy hướng Phật, như con hiếu hướng về cha mẹ, như tôi trung hướng về quân vương, động tĩnh chẳng tự ý, ra vào phải lý do. Tri ân báo đức, theo lý phải thưa trước.”*⁶²

Như vậy, tin nhận ân đức sâu xa của Phật, mà làm *Chánh tín niệm Phật kệ*, rằng:

⁵⁹ Nguyên lực rộng lớn của Đức Phật A Di Đà là tăng thượng duyên mạnh mẽ cho tất cả chúng sanh có được tín tâm vãng sanh Cực Lạc, gọi là cường duyên.

⁶⁰ Viển khánh túc duyên (遠慶宿緣): vui mừng dài lâu duyên đời trước. Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Tụng Kinh Quán Hành Nghi (淨土五會念佛誦經觀行儀), No. 2827, Pháp Chiếu soạn, quyển hạ, tr. 1259a21: “Tự mừng đời trước túc duyên sâu, Được gặp Di Đà tiếng giáo màu, Giữ chặt danh hiệu không ngơi nghỉ.” (自慶往昔宿緣深, 得遇彌陀淨教音, 執持名號無休息.)

⁶¹ Hoằng thệ Phật địa (弘誓佛地): Hoằng thệ của Đức Phật A Di Đà được ví như mặt đất, là nơi nương tựa để vun bồi lòng tin vững chắc không gì có thể hủy hoại được. Nan tư pháp hải (難思法海), bất khả tư nghị nguyện hải (不可思議願海), bất khả tư nghị đức hải (不可思議德海), chỉ cho danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật” cụ túc vô lượng công đức.

⁶² Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sanh Kệ Chú, quyển thượng, tr. 827a09. Đoạn chú này giải thích câu kệ trong luận bản: “Thế Tôn con nhất tâm” (世尊我一心).

[CHÁNH TÍN NIỆM PHẬT KỆ]

[20] Tây phương Bất Khả Tư Nghị Quang
Bồ tát Pháp Tạng lúc nhân vị
Siêu phát thù thắng bản hoàng thệ
Kiến lập vô thượng đại bi nguyện
Tư duy nhiếp thủ trải năm kiếp
Bồ đề diệu quả đáp nguyện trên
Mãn túc bản thệ trải mười kiếp
Thọ mạng kéo dài khó thể lường
Tử bi sâu xa như hư không
Trí tuệ tròn đầy như biển cả
Thanh tịnh vi diệu vô biên cõi
Quảng đại trang nghiêm những cụ túc
Các thứ công đức đều thành mãn
Vượt qua mười phương chư Phật quốc
Khắp phóng 'nan tư, vô ngại quang'
Phá hết vô minh đêm tối lớn
Trí quang minh soi mở mắt tuệ
Danh tiếng mười phương đâu chẳng nghe
Như Lai công đức duy Phật trí
Gom Phật pháp tạng thí phàm ngu
Di Đà Phật mặt trời chói lợi
Để xua tan bóng tối vô minh
Mây mù tham ái, sân, nghi ngờ

Thường che trời tín tâm thanh tịnh
Thí như là nhật nguyệt tinh tú
Dù khói ráng mây mù che phủ
Dưới mây mù kia sáng không tối
Tin biết lợi ích ‘siêu nhật nguyệt quang’
Trời sáng tịnh tín ‘ắt đến Vô thượng’
Đám mây ‘tam hữu sanh tử’ tan
‘Thanh tịnh, vô ngại quang’ sáng rõ
Nhất như pháp giới chân thân hiển
Phát tín ‘xứng danh quang’ nhiếp hộ
Cũng được hiện đời vô lượng đức
‘Vô biên, nan tư quang, bất đoạn’
Càng không ngăn thời xứ chư duyên
Chư Phật hộ niệm chân thật chớ nghi
Mười phương đồng xưng tán hoan hỷ
Hoặc nhiễm, nghịch ác thấy đều sanh
Báng pháp, xiển đề đều về trú
Đời tương lai kinh đạo diệt tận
Đặc lưu kinh này trú trăm năm⁶³
Cớ sao nghi ngờ đại nguyện ấy
Chỉ tin Thích Ca lời như thật.

Những luận gia Ấn Độ Tây thiên

⁶³ Kinh Vô Lượng Thọ: “Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát. Nay A Dật Đa! Đức Như Lai ra đời khó gặp khó thấy, kinh pháp của Phật khó được khó nghe. Các môn Ba la mật, các pháp thù thắng của Bồ Tát được nghe cũng khó. Gặp thiện tri thức nghe pháp mà làm được cũng là khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận y theo tu hành.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

Cùng cao Tăng Trung Hạ, Nhật Bản
Khai chánh ý Đại Thánh Thế Hùng
Như Lai bản thể rõ ứng cơ⁶⁴.

Thích Ca Như Lai núi Lăng Già
Vì chúng huyền ký Nam Thiên Trúc
Bồ tát Long Thọ hiện ra đời
Phá vỡ mọi kiến chấp hữu vô
Tuyên thuyết pháp Đại thừa vô thượng
Chứng Hoan hỷ địa, sanh An Lạc⁶⁵
Tạo Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận
Nan hành đường hiểm riêng thương xót
Dị vắng đường cái rộng chỉ bày
Nên đem tâm cung kính chấp trì
Xưng danh hiệu mau được Bất thối
Tín tâm thanh tịnh liền thấy Phật.⁶⁶

Bồ tát Thiên Thân tạo luận thuyết
Y tu đa la bày chân thật
Khai sáng Hoàn siêu bản hoàng thế
Tuyên dương bất khả tư nghị nguyện
Do theo bản nguyện lực hồi hướng⁶⁷

⁶⁴ Tổng nêu Tổ sư ba nước cùng nói nghĩa lý Tịnh độ, có 4 câu.

⁶⁵ Trong kinh Nhập Lăng Già, No. 671, tr. 569a24, Đức Phật đã huyền ký: “Đại quốc ở phương Nam, Có Đại đức Tỳ-kheo, Tên Long Thọ Bồ-tát, Phá kiến chấp hữu vô, Vì người nói pháp Ta, Pháp Đại thừa vô thượng, Chứng được Hoan Hỷ địa, Vãng sanh An Lạc quốc.” Kinh Đại Thừa Nhập Lăng Già, No. 672, tr. 627c19: “Trong nước Nam Thiên Trúc, Tỳ-kheo danh đức lớn, Danh hiệu là Long Thọ, Phá hai tông hữu vô, Thế gian nói pháp Ta, Pháp Đại thừa vô thượng, Được Sơ Hoan Hỷ địa, Vãng sanh An Lạc quốc.”

⁶⁶ Tán thán Bồ-tát Long Thọ, có 12 câu: 4 câu đầu y theo kinh Lăng già, và 8 câu sau y theo luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa.

Vì độ cụ phước nói Nhất tâm
Trở về biển đại bảo công đức⁶⁸
Ắt được vào số Đại chúng hội
Được đến thế giới Liên Hoa Tạng
Liên chúng Tịch diệt bình đẳng thân
Đạo rừng phiền não, hiện thần thông
Vào vườn sanh tử, thị Ứng hóa.⁶⁹

Đại sư Đàm Loan: Lương Tiêu Vương⁷⁰
Thường hướng lễ Bồ tát Loan Phương
Tam tạng Lưu Chi trao tịnh giáo
Đốt bỏ Tiên Kinh quy Lạc bang⁷¹
Chú giải Thiên Thân Bồ Tát Luận
Như Lai bản nguyện hiển xưng danh
Vãng hoàn hồi hướng do bản thệ
Phiền não thành tựu kẻ phàm phu
Tín tâm khai phát liền đắc nhãn

⁶⁷ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sanh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 833c16: “Hồi hướng là hồi công đức của mình để thí khắp cho chúng sanh, cùng được gặp A Di Đà Như Lai, cùng sanh về nước An Lạc.”

⁶⁸ Công đức đại bảo hải (功德大寶海). Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá: “Quán Phật bản nguyện lực, Người gặp không luống uổng, Khiến mau được đầy đủ, Biển đại bảo công đức.”

⁶⁹ Tán thán Bồ-tát Thiên Thân, có 12 câu, y theo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sanh Kệ (còn gọi Tịnh Độ Luận).

⁷⁰ Tịnh Độ Luận (淨土論), No. 1963, Ca Tài soạn, quyển hạ, tr. 97c09: “Pháp sư Đàm Loan người Vấn Thủy, châu Tinh, sống vào cuối đời Ngụy, đầu đời Cao Tề. Sư có tâm trí cao xa, vang danh ở ba nước (Lương, Đông Ngụy và Tây Ngụy), thông hiểu các kinh, kiến thức hơn người. Tiêu Vương, vua nước Lương, thường quay mặt về phía bắc lễ và tôn xưng Sư là Bồ-tát Đàm Loan. Sư soạn bản chú giải luận Vãng sanh của bồ-tát Thiên Thân gồm 2 quyển, và soạn tập Vô Lượng Thọ Kinh 1 quyển có kèm theo 195 hàng kệ thất ngôn và những câu vấn đáp, cho lưu hành ở đời để khuyên người xuất gia lẫn tại gia quyết định cầu vãng sanh được thấy Phật A Di Đà.”

⁷¹ Đại sư Đàm Loan thuở nhỏ đạo chơi non Ngũ Đài, cảm điềm linh dị mà xuất gia. Ngài ưa thuật trường sanh, từng theo Đào Ẩn Cư thọ mười quyển Tiên Kinh. Sau gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi, đại sư hỏi: “Đạo Phật có thuật trường sanh chăng?” Ngài Lưu Chi trao cho kinh Thập Lục Quán và bảo: “Đây là phép trường sanh của Phật giáo”. Đại sư cả mừng, liền đốt Tiên Kinh, chuyên tu tịnh nghiệp, dù đau yếu cũng không tạm nghỉ. (Quê Hương Cực Lạc – H.T Thích Thiên Tâm dịch)

Chứng tri sanh tử tức Niết bàn⁷²
Ắt đến cõi Vô Lượng Quang Minh⁷³
Chúng sanh các hữu đều phổ hóa.⁷⁴

Đạo Xước dạy Thánh đạo khó chứng
Chỉ có Tịnh độ dễ thông nhập
Vạn thiện tự lực gièm siêng tu
Viên mãn đức hiệu khuyên chuyên xưng
Tam bất tam tín⁷⁵ dạy ân cần
Tượng, mật, pháp diệt đồng bi dẫn
Một đời tạo ác gặp hoàng thệ
Đến cõi An Dưỡng chứng diệu quả.⁷⁶

Thiện Đạo riêng nói chánh ý Phật
Nương tựa bản nguyện, hưng chân tông
Thương xót định tán và nghịch ác
Quang minh, danh hiệu bày nhân duyên⁷⁷

⁷² Đối với sanh tử và Niết-bàn mà khởi Bình đẳng trí, bấy giờ do sự chứng ngộ đây mà biết “sanh tử tức Niết-bàn”, gọi là Vô trú Niết-bàn. Vô trú Niết-bàn là bỏ tạp nhiễm (phiền não) mà không bỏ sanh tử, nên không trú nơi sanh tử, mà cũng không trú nơi Niết-bàn. Vô trú Niết-bàn được đại bi, đại trí vĩnh viễn phụ lực nên không ở sanh tử, không trú Niết-bàn, lợi lạc chúng sanh, tận cùng vị lai hoạt dụng mà thường tịch.

⁷³ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, No. 361, Chi Lôu-ca-sấm dịch, quyển 2, tr. 288c06: “Nhanh chóng vượt ngay để đến, Thế giới của An Lạc quốc, Đến cõi Vô Lượng Quang Minh, Cúng dường nơi vô số Phật.”

⁷⁴ Tán thán Đại sư Đàm Loan, có 12 câu, y theo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sanh Kệ Chú.

⁷⁵ Tam tín tam bất (三信三不): Cũng gọi Tam bất tam tín (三不三信). Chỉ cho 3 thứ tâm tin và 3 thứ tâm không tin do ngài Đàm Loan thuộc tông Tịnh độ của Phật giáo Trung quốc nêu ra. Tam tín tâm là: 1. Thuần tâm: Tâm có niềm tin bền vững; 2. Nhất tâm: Tâm chỉ tin không nghi; 3. Tương tục tâm: Tâm liên tục không gián đoạn. Trái lại, tín tâm không thuần, tín tâm bất nhất, tín tâm không tương tục thì gọi là Tam bất tín. Nếu phối hợp Tam tín này với các Tam tâm thì Thuần tâm lìa hư giả không thật, hợp với Chí tâm; Nhất tâm thì chuyên nhất không hai, phối với Tín lạc; còn Tương tục tâm thì không bị dị học, dị kiến làm tổn hại, phối với Dục sanh tâm.

⁷⁶ Tán thán Đại sư Đạo Xước, có 8 câu, y theo An Lạc Tập.

⁷⁷ Đức Phật A Di Đà cứu độ tất cả chúng sanh bằng nhân duyên của ánh sáng và danh hiệu. Tất cả chúng sanh đều có thể vãng sanh về báo độ Cực Lạc là do danh hiệu. Danh hiệu là nhân năng sanh, giống như một người cha. Ánh

Vào cửa Niết bàn, thẳng chân tâm
Chắc chắn được tín hỷ ngộ nhãn⁷⁸
Được bậc Nan tư nghị vãng sanh
Liên chứng thường lạc Pháp tánh thân.⁷⁹

Nguyên Tín rộng mở Giáo một đời
Nghiêng về An Dưỡng khuyên tất cả
Y chư kinh luận chọn giáo hành
Quả thật là mắt chân trực thể
Phán quyết được mất nơi chuyên tạp
Trở vào niệm Phật chân thật môn
Quyết định cạn sâu ở chấp tâm
Báo hóa hai độ kiến tạo xong.⁸⁰

Nguyên Không hiểu rõ chư Thánh điển
Thương xót kẻ phàm phu thiện ác
Phiến Châu⁸¹ hưng Chân tông Giáo chứng

sáng là duyên sở sanh, giống như một người mẹ. Hồng danh và ánh sáng là nhân duyên để tất cả chúng sanh được vãng sanh Cực Lạc. Tín tâm là nhân bên trong, ánh sáng và danh hiệu là duyên bên ngoài. Tín tâm là nhân chân thật của Niết-bàn phát sanh từ nội tâm của tất cả chúng sanh, và ánh sáng và danh hiệu là nhân duyên của tín tâm phát sanh từ Như Lai khiến có sự suy lường bên ngoài.

⁷⁸ Tín nhãn, hỷ nhãn và ngộ nhãn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy rằng: Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ kỹ. Nay Như Lai vì tất cả chúng sanh đời vị lai, những kẻ bị giặc phiền não nhiều hại mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay cho Vi Đề Hy khéo hỏi được việc ấy. Nay A Nan! Ông nên thọ trì, rộng vì đại chúng mà tuyên nói lời Phật. Hôm nay Như Lai vì Vi Đề Hy và tất cả chúng sanh đời vị lai, quán sát thế giới Cực Lạc ở phương Tây, do oai lực của Phật nên sẽ thấy được quốc độ thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy hình tượng mặt mình. Thấy những sự vui cùng cực vi diệu của quốc độ ấy, nên tâm vui mừng, ứng thời liền được Vô sanh Pháp nhãn.” Kinh Vô Lượng Thọ: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đệ nhứt nhãn, đệ nhị nhãn và đệ tam pháp nhãn, nơi các Phật pháp chẳng liền được bực bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác.” (Nguyện 48) “Này A Nan! Nếu hàng thiên nhơn ở nước An Lạc thấy cây đạo tràng ấy thì được ba pháp nhãn: một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sanh pháp nhãn.” Âm hưởng nhãn: do âm hưởng mà ngộ giải chân lý. Nhu thuận nhãn: tuệ tâm như nhuyễn, có khả năng tùy thuận chân lý. Vô sanh pháp nhãn: chứng thật tánh vô sanh mà ly các tướng.

⁷⁹ Tán thán Đại sư Thiện Đạo, có 8 câu, y theo Vãng sanh Lễ Tán.

⁸⁰ Tán thán Thượng nhân Nguyên Tín, có 8 câu, y theo Vãng sanh Yếu Tập.

Tuyển Trạch Bản Nguyên trao trước thế
Trở lại nhà sanh tử luân chuyển
Quyết lấy nghi tình làm chỗ dựa
Mau nhập vắng lặng vô vi lạc
Phải dùng tín tâm để đi vào^{82, 83}

Luận thuyết, sư thích cùng đồng tâm
Cứu giúp vô biên cực trước ác
Mọi thời đạo tục chung một lòng
Chỉ tin những gì cao Tăng nói.⁸⁴

[60 dòng, 120 câu kệ tụng đã xong.]

[21] Hỏi: Trong “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, đã phát “ba tâm”⁸⁵, vì sao luận chủ Thiên Thân chỉ nói đến “nhất tâm”⁸⁶?

Đáp: Vấn đề trở nên dễ hiểu đối với những chúng sanh ngu độn, cho nên luận chủ gộp ba tâm làm một tâm.

Ba tâm là: 1. Chí tâm; 2. Tín lạc; 3. Dục sanh.

⁸¹ Phiến Châu (片州) chỉ cho Nhật Bản.

⁸² Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập, No. 2608, Nguyên Không soạn, tr. 12b15: “Thâm tâm, là lòng tin sâu xa. Nên biết, nhà sanh tử lấy nghi ngờ làm chỗ dựa; thành Niết-bàn lấy lòng tin để đi vào.”

⁸³ Tán thán Thượng nhân Nguyên Không – Pháp Nhiên, có 8 câu, y theo Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập.

⁸⁴ Tổng kết công đức cứu giúp của chư Tổ và khuyến khích đại chúng có niềm tin. Những lời dạy của các cao tăng lỗi lạc ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản đã truyền lại chính xác công đức vĩ đại của “Nam mô A Di Đà Phật” do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy.

⁸⁵ Nguyên thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁸⁶ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá, tr. 230c17: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyện sanh An Lạc quốc.”

[22] **Chí tâm:** Chí, là chân, thật và thành. Tâm, là chủng và thật.⁸⁷

Tín lạc: Tín, là chân, thật, thành, mãn, cực, thành, dụng, trọng, thẩm, nghiệm, tuyên và trung. Lạc, là dục, nguyện, ái, duyệt, hoan, hỷ, hạ và khánh.⁸⁸

Dục sanh: Dục, là nguyện, lạc, giác và tri. Sanh, là thành, tác, vi và hưng.⁸⁹

Như vậy:

Chí tâm chính là cái tâm của chân, thật, thành, chủng, cho nên không có tâm nghi ngờ⁹⁰.

Tín lạc chính là cái tâm của chân, thật, thành, mãn; là cái tâm của cực, thành, dụng, trọng; là cái tâm của dục, nguyện, ái, duyệt; là cái tâm của hoan, hỷ, hạ, khánh, cho nên không có tâm nghi ngờ.

Dục sanh chính là cái tâm của nguyện, dục, giác, tri; là cái tâm của thành, tác, vi, hưng; là cái tâm của đại bi hồi hướng, cho nên không có tâm nghi ngờ.

Ba tâm đều là cái tâm chân thật nên không có tâm nghi ngờ. Qua tự huấn của ba tâm, có thể suy nghĩ mà có sự lựa chọn.

⁸⁷ Chí giả tức thị chân dã, thật dã, thành dã. (至者即是真也, 實也, 誠也.): Chí là chân, thật, thành thực. Tâm giả tức thị chủng dã, thật dã. (心者即是種也, 實也.): Tâm là chủng tử (hạt giống), thật quả (kết quả).

⁸⁸ Tín giả tức thị chân dã, thật dã, thành dã, mãn dã, cực dã, thành dã, dụng dã, thẩm dã, nghiệm dã, tuyên dã, trung dã. (信者即是真也, 實也, 誠也, 滿也, 極也, 成也, 用也, 重也, 審也, 驗也, 宣也, 忠也.): Tín là chân, thật, thành thực, viên mãn, tối cực, thành tựu, tác dụng, cứu xét, kinh nghiệm, tuyên dương, trung thành. Lạc giả tức thị dục dã, nguyện dã, ái dã, duyệt dã, hoan dã, hỷ dã, hạ dã, khánh dã. (樂者即是欲也, 願也, 愛也, 悅也, 歡也, 喜也, 賀也, 慶也.): Lạc là ưa muốn, mong cầu, yêu mến, ưa thích, vui sướng, hân hoan, hoan hỷ, chúc mừng, vui mừng.

⁸⁹ Dục giả tức thị nguyện dã, lạc dã, giác dã, tri dã. (欲者即是願也, 樂也, 覺也, 知也.): Dục là mong cầu, ưa thích, hiểu, biết. Sanh giả tức thị thành dã, tác dã, vi dã, hưng dã. (生者即是成也, 作也, 為也, 興也.): Sanh là làm thành, tạo dựng, làm ra, khởi lên.

⁹⁰ Năm triền cái (pañcanivarā) là tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử và nghi ngờ. Chúng mang tên “triền cái” là vì chúng bao phủ tâm, ngăn cản sự phát triển hành thiền ở cả hai lĩnh vực tịnh chỉ và tuệ giác. Vì lý do đó mà đức Phật gọi năm triền cái là những “chướng ngại, ngăn che, làm uế nhiễm tâm, làm yếu trí tuệ”. Hơn nữa, Ngài còn nói: “Năm triền cái, này chur tỳ kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn”.

[23] Nói thêm về “ba tâm”.

Một là, **Chí tâm**. Tâm ấy tức là cái tâm chí đức, viên tu mãn túc, chân thật của Như Lai. A Di Đà Như lai đem công đức chân thật của mình mà hồi thí cho tất cả chúng sanh, tức là dùng danh hiệu làm bản thể của chí tâm. Nhưng mười phương chúng sanh có cái tâm uế ác, ô nhiễm nên không thanh tịnh, và có cái tâm hư giả, tạp độc nên không chân thật. Thế nên, Như Lai khi hành Bồ tát hạnh ở nhân vị, tu tập ba nghiệp, cho dù một niệm, một sát na toàn là cái tâm thanh tịnh và chân thật. Như Lai đem cái tâm thanh tịnh và chân thật hồi thí cho chúng sanh trong chư hữu.

[24] Đại Kinh nói: “*Chẳng sanh dục giác, sân giác, hại giác, chẳng khởi dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, chẳng trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; thành tựu nhẫn lực, chẳng kể những sự khổ, thiếu dục tri túc không có tham sân si, chánh định thường vắng lặng, trí tuệ vô ngại, không có tâm hư ngụy siểm khúc, hòa nhan ái ngữ, đoán ý hỏi thăm, dũng mãnh tinh tiến, chí nguyện không mệt mỏi, chuyên cầu lấy pháp thanh bạch để huệ lợi quần sanh, cung kính Tam bảo, phụng sự sư trưởng, dùng đại trang nghiêm đầy đủ những công hạnh, khiến các chúng sanh thành tựu công đức.*”

[25] Qua lời dạy của Phật, biết rõ rằng, nay tâm ấy là chí tâm thanh tịnh và quảng đại của Như Lai, gọi là **Chân thật tâm**. Chí tâm tức là tâm đại bi, cho nên không có tâm nghi ngờ.

[26] Hai là, Tín lạc, là đem cái tâm chân thật làm bản thể của tín lạc. Tuy nhiên, những quần manh cụ phược, hàng phàm ngu uế trước không có tâm thanh tịnh, không có tín tâm chân thật. Vì vậy mà biết, công đức chân thật khó gặp, tín lạc thanh tịnh khó có thể đạt được. Theo kiến giải của ngài Thiện Đạo, tất cả phàm phu nhỏ bé ở mọi thời gian, tâm tham ái⁹¹ thường xuyên nhuộm bẩn thiện tâm, tâm sân hận⁹² thường xuyên thiêu đốt pháp tài⁹³. Ngay cả khi thân tâm vất vả gắng sức, ngày đêm mười hai thời gấp tu, gấp hành, như lửa cháy đầu, thì sự tu hành đó được gọi là ‘Thiện tạp độc, tạp tu’⁹⁴, cũng gọi ‘Hành hư giả, dối trá’⁹⁵, không thể gọi là ‘Nghịệp chân thật’. Đem cái hành hư giả và thiện tạp độc này mà hồi hướng Tịnh độ kia, thì chắc chắn không thể được. Vì sao? Nguyên do là A Di Đà Như Lai, khi thực hành Bồ tát hạnh, tu tập ba nghiệp, cho dù một niệm, một sát na, đều là tâm chân thật, triền cái nghi ngờ không có xen tạp. Như Lai đem tín lạc thanh tịnh và chân thật hồi thí cho chúng sanh trong chư hữu.

[27] “Bản nguyện thành tựu văn” trong Đại Kinh nói rằng:

*“Chúng sanh trong chư hữu nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm.”*⁹⁶

⁹¹ Tham ái nên tịnh tín thanh tịnh khó được.

⁹² Sân hận nên công đức tối thượng khó gặp.

⁹³ Pháp tài (法財): tài sản Chánh pháp, tức lấy giáo pháp làm tài sản. Giáo pháp có khả năng nuôi dưỡng chúng sanh, sanh trưởng tuệ mạng.

⁹⁴ Thiện tạp độc vì không có tâm thanh tịnh.

⁹⁵ Hành hư giả vì không có tâm chân thật.

⁹⁶ Bản nguyện thành tựu văn là nguyện thứ 18, và đây thường gọi là Đệ thập bát nguyện thành tựu văn (第十八願成就文): “Chư hữu chúng sanh, nghe danh hiệu ấy, tín tâm hoan hỷ, cho dù một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển, chỉ trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp.” (諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念, 至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉, 唯除五逆, 誹謗正法.) [Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 272b11] “Tín tâm hoan hỷ, cho dù một niệm”: Tín tâm là nghe Bản nguyện của Như Lai mà không chút nghi ngờ. Hoan hỷ là niềm vui tràn ngập thân tâm. Một niệm là thời gian cực ngắn. Tín tâm hoan hỷ dù chỉ một niệm là biểu hiện an tâm hoàn toàn vào tha lực của Đức Phật A Di Đà.

[28] Qua lời dạy của Phật, biết rõ rằng, nay tâm ấy tức là tín lạc thanh tịnh và chân thật vào “Bản nguyện viên mãn”, gọi là **Tín tâm**.

[29] Ba là, **Dục sanh**, là đem tín tâm thanh tịnh và chân thật làm bản thể của Dục sanh. Tuy nhiên, phàm phu lưu chuyển luân hồi, quần sanh khoáng kiếp đa sanh, vì không có cái tâm hồi hướng thanh tịnh, cũng không có cái tâm hồi hướng chân thật, cho nên, Như Lai khi hành Bồ-tát hạnh ở nhân vị, tu tập ba nghiệp, dù chỉ một niệm, một sát na, đều lấy ‘tâm hồi hướng’ làm đầu, mà thành tựu được tâm đại bi. Như Lai đem cái tâm dục sanh thanh tịnh và chân thật mà hồi hướng cho chúng sanh trong chư hữu.

[30] “Bản nguyện thành tựu văn” trong Đại Kinh nói rằng:

*“Chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, liền được vãng sanh, trú Bất thoái chuyển.”*⁹⁷

[31] Qua lời dạy của Phật, biết rõ rằng, nay tâm ấy tức là giáo sắc đại bi chiêu hoán chúng sanh chư hữu, tức hoạt dụng cái tâm dục sanh bởi đại bi [của Đức Phật A Di Đà], gọi là **Hồi hướng tâm**.

[32] Ba tâm đều là “đại bi hồi hướng tâm”. Vì ba tâm hoàn toàn thanh tịnh và chân thật, không có triền cái nghi ngờ xen tạp, nên là “nhất tâm”.

[33] Lật lại lời chư sư giải thích rằng:

⁹⁷ Bản nguyện thành tựu văn cho nguyện thứ 18.

“Bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: Người nên nhất tâm chánh niệm mà đi thẳng đến đây, ta sẽ che chở cho người, không sợ rơi vào nạn nước lửa.”

Lại nói:

“‘Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc’ là dụ giữa tham sân phiền não của chúng sanh có thể khởi một tâm thanh tịnh nguyện sanh Cực Lạc.”

Lại nữa:

“Cây nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây, lại nương tựa vào tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà mời gọi. Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn ‘hai sông nước lửa’, niệm niệm không dời đổi, nương vào ‘con đường’ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sau khi qua đời, được sanh về Cực lạc, nhìn thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.”

[34] Biết rằng, năng sanh “nguyện tâm thanh tịnh” thì chẳng phải cái tâm tự lực của phàm phu, mà là “đại bi hồi hướng tâm”, nên gọi là “nguyện tâm thanh tịnh”.

Như vậy, nhất tâm là chánh niệm. Chánh niệm tức là xưng danh. Xưng danh tức là niệm Phật. Nhất tâm tức là thâm tâm. Thâm tâm tức là thâm tín kiên cố. Thâm tín kiên cố tức là chân tâm. Chân tâm tức là Kim cương tâm. Kim cương tâm tức là Vô thượng tâm. Vô thượng tâm tức là tâm Thuần nhất tương tục. Tâm Thuần nhất tương tục tức là tâm Đại khánh hỷ.

Hỏi: Có được tâm Đại khánh hỷ, tâm ấy có trái ngược với ba tâm, và tâm ấy có thuận theo ba tín?

Đáp: Tâm ấy tức là Đại bồ đề tâm. Đại bồ đề tâm tức là Chân thật tín tâm. Chân thật tín tâm tức là Nguyện tác Phật tâm. Nguyện tác Phật tâm tức là Độ chúng sanh tâm. Độ chúng sanh tâm tức là tâm Nhiếp thủ chúng sanh sanh về Tịnh độ An Lạc. Tâm ấy tức là tâm Rốt ráo bình đẳng. Tâm ấy tức là Đại bi tâm. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật.⁹⁸ Đó gọi là “như thật tu hành tương ứng”. Nên biết như vậy.

Nghĩa “tam tâm tức nhất tâm” đã đáp xong.

[35] Hỏi: Sự khác biệt giữa ba tâm của Đại Kinh⁹⁹ và ba tâm của Quán Kinh¹⁰⁰ là gì?

Đáp: Ba tâm của hai Kinh chính là “nhất tâm” vậy. Vì sao biết được? Tông sư giải thích rằng:

Về “Chí thành tâm”: Chí, là chân. Thành, là thật.

Về “Tự nhân tự hành lập tín”¹⁰¹: Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, đó gọi là Chánh định nghiệp.¹⁰²

⁹⁸ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi-đề-hi: ‘Thấy hoa tòa rồi kể nên tưởng Phật. Tại sao vậy? Vì chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào khắp trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, nên lúc các người tâm tưởng Phật, tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải từ tâm tưởng sanh, vì vậy nên nhất tâm buộc niệm, quán kỹ Đức Phật ấy, đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.’”

⁹⁹ Ba tâm của Đại Kinh tức là ba tâm của nguyện thứ 18: chí tâm, tín lạc tâm và dục sanh tâm.

¹⁰⁰ Ba tâm nói trong Quán Kinh: Một là, chí thành tâm; hai là, thâm tâm; ba là, hồi hướng phát nguyện tâm.

¹⁰¹ Tự nhân lập tín (就人立信): Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và các Đức Phật trong mười phương đều là người, là lấy con người để lập tín tâm. Chính Đức Phật A Di Đà nói, Ngài thành tự bốn mươi tám nguyện, nhiếp thọ chúng ta nên gọi là Bổn sư, tin sâu dựa vào nguyện lực của Ngài thì chắc chắn được vãng sanh. Chính Đức Phật Thích Ca nói, tin sâu Ngài nói trong Quán Kinh chỉ rõ Tịnh độ Di Đà, tin sâu Ngài là giáo chủ của chúng ta. Chính các Đức Phật trong mười phương nói để chứng minh việc phàm phu vãng sanh là không sai, tin các Đức Phật là người làm chứng. Lại ở trong đó, tin bản nguyện của Đức Phật A Di Đà cũng như tin kinh Vô Lượng Thọ. Tin Đức Phật

Lại nói:

Thâm tâm tức là Chân thật tín tâm.

Về “Hồi hướng phát nguyện tâm”: Tâm thâm tín này phải giống như kim cương.¹⁰³

Biết rõ rằng: Nhất tâm là Tín tâm. Chuyên niệm là Chánh nghiệp.

Trong Nhất tâm luôn có mặt hai tâm: Chí thành tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm.

[36] Hỏi: “Ba tâm” của hai Kinh nói trên và “chấp trì” của của Tiểu Kinh là một hay là khác?

Đáp: Kinh nói “chấp trì danh hiệu”. Chấp, là tâm vững chắc, không thay đổi. Trì, là không tan không mất, nên gọi là “bất loạn”. Chấp trì tức là Nhất tâm. Nhất tâm tức tín tâm.

Vậy thì, “chấp trì danh hiệu” là lời dạy chân thật, “nhất tâm bất loạn” là lời nói thành thật, [chúng ta] nhất định quy hướng, đặc biệt ngưỡng mộ.

Thích Ca nói cũng có nghĩa là tin Quán Kinh. Tin các Đức Phật làm chứng cũng là tin kinh A Di Đà. Tịnh độ tông nhấn mạnh rằng phàm phu phải thiết lập tín tâm nếu muốn vãng sanh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Thiết lập tín tâm theo lời nói của người, gọi là ‘Tựu nhân lập tín’ (就人立信), như tin vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, lời khuyến khích của Đức Phật Thích Ca, lời thành thật của chư Phật. Ngoài ra, chánh định nghiệp ‘xưng danh’ là hành thuận theo nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, và qua đó thiết lập tín tâm quyết định vãng sanh, đây gọi là ‘Tựu hành lập tín’ (就行立信). “Tựu hành” là hành theo bản nguyện xưng danh, không phải theo bốn thứ trợ nghiệp: quán sát, đọc tụng, lễ bái, tán thán; càng không phải theo tạp hành.

¹⁰² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký: “Lại nữa, trong phần chánh hành này cũng có hai thứ: (a) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau, niệm niệm bất xả, đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. (b) Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v. thì gọi là Trợ nghiệp. Ngoài hai hành chánh trợ này, các thiện hành khác của mình, đều gọi là Tạp hành. Nếu tu cả hai hành chánh trợ, thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không ngừng, gọi là Vô gián hành. Nếu tu tạp hành, thì tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được sanh,] nhưng được gọi là Sơ tạp hành. Đó gọi là thâm tâm.”

¹⁰³ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: “Tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sanh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sanh.”

[37] Luận gia và Tông sư khai sáng Tịnh độ Chân tông, hướng đạo trước thế tà ngụy. Đại cương của ba kinh tuy có ẩn hiển¹⁰⁴, nhưng “nhất tâm” là có thể đi vào [nghĩa ẩn hiển]. Vì vậy, kinh mở đầu bằng câu “như thị”, và luận chủ đưa ra lời “nhất tâm”, tức là làm sáng tỏ cái nghĩa “như thị” vậy.

Lật lại lời chú giải của Tông sư:

“Ý nghĩa của ‘Như’ có hai thứ: (1) Như cái ý của chúng sanh, là tùy theo tâm niệm chúng sanh mà thích ứng hóa độ. (2) Như cái ý của Đức Phật A Di Đà, là nắm mắt viên chiếu, sáu thông tự tại. Quán căn cơ có thể hóa độ, nghĩa là trong một niệm, không trước không sau, thân tâm cùng hướng đến, ba luân¹⁰⁵ để khai ngộ, lợi ích mỗi khác nhau.”¹⁰⁶

Lại nói:

¹⁰⁴ Hiển chương ẩn mật (顯彰隱密): Cũng gọi Hiển thuyết ẩn chương (顯說隱彰), Ẩn hiển (隱顯). Nêu rõ ý kín đáo trong kinh. Đây là tiếng dùng của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản. Hiển là bên ngoài sáng tỏ, Chương là làm cho bên trong được rõ ràng; Ẩn là ẩn giấu, Mật là ý kín đáo của Phật. Kinh Quán vô lượng thọ bên ngoài tuy nói về giáo nghĩa của yếu môn, trình bày rõ Định thiện và Tán thiện, nhưng bên trong lại ẩn chứa mật ý của Phật; mật ý ấy tức là thế nguyện rộng lớn của đức Phật A di đà. Trong 3 bộ kinh, ngoại trừ bộ Quán Kinh thì kinh A Di Đà cũng có nghĩa ẩn hiển. Kinh A Di Đà là chân môn thiện bản và đức bản, nói rõ nhất tâm tự lợi, ẩn chứa mật ý đại tín tâm vô ngại của Phật. Còn kinh Vô Lượng Thọ thì không có nghĩa ẩn hiển, hễ nói giả thì tức là giả, mà chân tức là chân, là giáo nghĩa chân thật. Hiển thuyết, là nói theo ý người. Ẩn chương, là nói theo ý mình.

¹⁰⁵ Tam Luân (三輪): Dùng bánh xe báu của vua Chuyển luân thánh vương để ví dụ tác dụng thù thắng của 3 nghiệp thân, khẩu, ý của Như lai. Đó là: 1. Thần biến luân (cũng gọi Thần thông luân, Thân luân): Hiển hiện thần thông, biến hóa ra những cảnh thù thắng, khác lạ để khiến chúng sanh phát tín tâm. 2. Giáo giới luân (cũng gọi Thuyết pháp luân, Khẩu luân): Phật diễn nói giáo pháp khiến chúng sanh phát tín tâm bỏ tà về chính. 3. Ký tâm luân (cũng gọi Ưc niệm luân, Ý luân): Khi đức Phật nói pháp, trước hết Ngài dùng ý luân để xét biết căn cơ lợi độn của chúng sanh hầu tùy nghi diễn giảng, không phạm sai lầm. Tam luân trên đây có ý nghĩa giống với Tam thị hiện (三示現), Tam chủng thị đạo (三種示導).

¹⁰⁶ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Thiện Đạo tập ký, quyển 3, Phần Chánh tông của Quán Kinh: Nghĩa của Định thiện (觀經正宗分定善義), tr. 269c29. Định thiện là ngưng dứt cái tư lự để tâm an trụ vào một cảnh. Tán thiện là bỏ ác tu thiện, mặc dù tâm tán loạn. Tóm lại là đều đem hai hạnh ấy hồi hướng nguyện sanh về Tịnh độ. Đời Đường, ngài Thiện Đạo đem 16 pháp quán của một bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phân làm định thiện và tán thiện, trong đó, 13 quán trước, dùng cái tâm thiền định, để quán tưởng Y báo, Chánh báo của Tịnh độ, nên gọi là Định thiện, và 3 quán sau, dùng cái tâm tán loạn để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm nên gọi là tán thiện.

“Kính bạch tất cả thiện tri thức cầu vãng sanh, phải hết sức xấu hổ. Đức Thích Ca Như Lai thật là cha mẹ Từ bi, dùng các thứ phương tiện để phát khởi vô thượng tín tâm¹⁰⁷ nơi chúng ta.”¹⁰⁸

[38] Biết rõ rằng, duyên vào tâm từ bi của hai Đức Thế Tôn để làm nhân tố ‘nhất tâm’ [quy mạng] vào Đức Phật [A Di Đà]. Nên biết, người ấy là người hiếm có, là bậc tối thắng. Tuy nhiên, phàm ngu lưu chuyển, quần sanh luân hồi, tín tâm của họ không sanh khởi được. Cho nên Kinh nói:

“Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn.”

Lại nói:

“Pháp môn mà tất cả thế gian rất khó tin.”¹⁰⁹

[39] Thực sự biết được đại sự nhân duyên mà Đức Thích Ca Thế Tôn xuất hiện ở đời: Trình bày lợi ích chân thật của bi nguyện, đó là trực thuyết của Như Lai, và chỉ dạy phàm phu tức khắc vãng sanh, đó là quy thú của đại bi.

Nhân đây suy ngẫm về ý định lời dạy của chư Phật, bản ý xuất thế của chư Như Lai trong ba đời, chỉ là thuyết giảng về bản nguyện bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà. Hạng phàm phu thường một¹¹⁰ duyên vào

¹⁰⁷ Vô thượng tín tâm (無上信心): Chỉ cho tam tín về Tha lực. Tam tín là Chí tâm, Tín lạc tâm và Dục sanh tâm.

¹⁰⁸ Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sanh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo soạn, tr. 448a22.

¹⁰⁹ Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (稱讚淨土佛攝受經), No. 367, Pháp sư Huyền Trang dịch.

¹¹⁰ Thường một chúng sanh (常沒衆生): cũng gọi Thường một phàm phu (常沒凡夫). Chỉ cho chúng sanh thường chìm đắm trong cõi mê không thoát ra được. Kinh Niết Bàn quyển 32 (bản Bắc), tỷ dụ 'sông' như biển lớn sanh tử, 'tắm gội' như việc xuất gia thọ giới có công năng thanh tịnh, 'giặc cướp' như phiền não, 'hái hoa' như dùng bảy tịnh hoa làm nhân để cầu quả Niết bàn. Từ các ví dụ trên mà nêu ra 7 hạng người bên sông Hằng: Xiển đề, người trời, nội phàm, tứ quả, Duyên giác, Bồ tát và Phật. Bảy hạng người này, có người xuống sông để tắm gội, có người

“nguyện lực hồi hướng”, nghe biết “công đức chân thật”, có được “tín tâm vô thượng”, thì được “Đại khánh hỷ”, sẽ đạt được “Bất thối chuyển địa”, không nhất thiết phải đoạn trừ phiền não mà vẫn mau chứng Đại Niết bàn vậy.

Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao.

Viết vào ngày 14 tháng 7 năm Kiến Trường thứ 7 (1255),
Ngu Ngốc Thân Loan, 83 tuổi.

Vào ngày 12 tháng 5 năm Giáp Dần, Vĩnh Hưởng thứ 6 (1434),
Thích Liên Như ghi chép xong.

xuống sông vì sợ giặc cướp, có người xuống sông để hái hoa. Trong đó, hạng người thứ nhất vì sức yếu đuối lại không biết bơi nên bị chìm trong sông; giống như hạng người Xiển đề gần gũi bạn ác, nghe theo tà pháp, vì nghiệp ác sâu nặng lại không có đức tin nên chìm đắm trong sông sanh tử. Hạng người thứ hai tuy có đủ sức khỏe, đã một lần ra khỏi, nhưng vì chưa tập bơi lội nên bị chìm lại, giống như người trời tuy tiến lại lui, đã từng gần gũi bạn lành, lại có tín tâm, nhưng lại gặp bạn ác, nghe theo tà pháp nên lại chìm trong sông sanh tử. Hai hạng người nói trên đều là phàm phu, thường chìm đắm trong sông sanh tử không thoát ra được.